

Ngày 31/03/2024	5,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	7.7%	-1.8%

	2023	
ROE	5.0%	+/- YoY ▲ 1.3%

	Q1/24		
DT thuần	14.0	QoQ ▲ 2.50 ▲ 22.1%	YoY ▲ 1.20 ▲ 9.7%
	tỷ VNĐ		

	2023	
DT thuần	48.6	YoY ▼ 0.90 ▼ 1.9%
	tỷ VNĐ	

	Q1/24		
LN gộp	6.35	QoQ ▲ 2.92 ▲ 85.1%	YoY ▲ 1.61 ▲ 34.0%
	tỷ VNĐ		

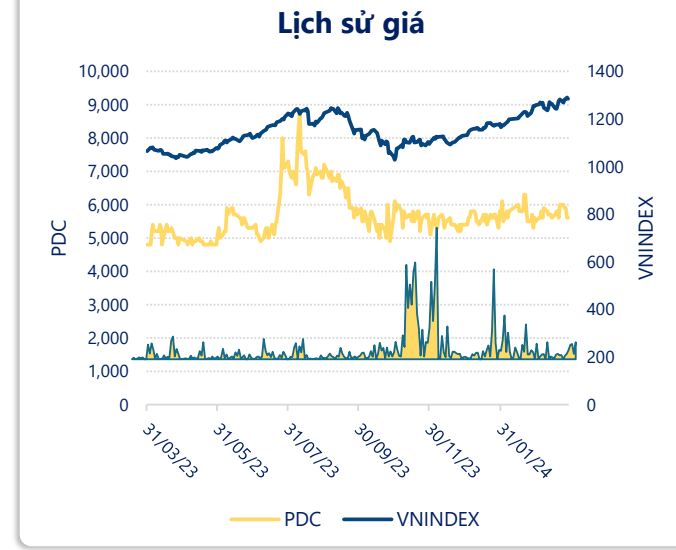
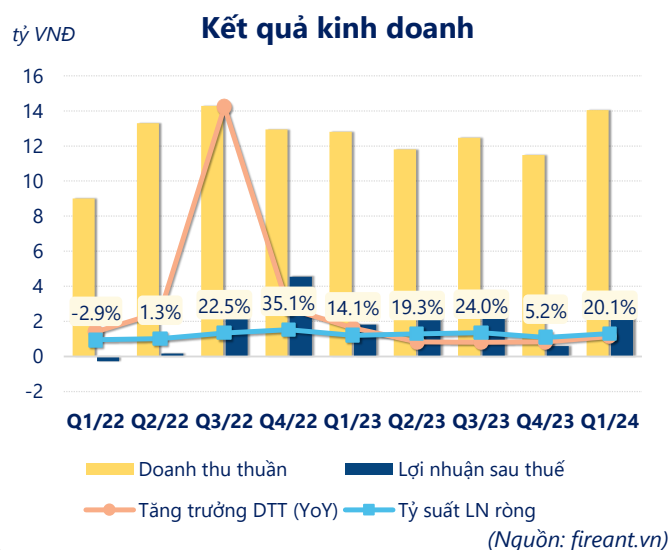
	2023	
LN gộp	19.9	YoY ▲ 4.70 ▲ 31.1%
	tỷ VNĐ	

	Q1/24		
LN thuần	2.57	QoQ ▲ 2.17 ▲ 543%	YoY ▲ 0.76 ▲ 42.1%
	tỷ VNĐ		

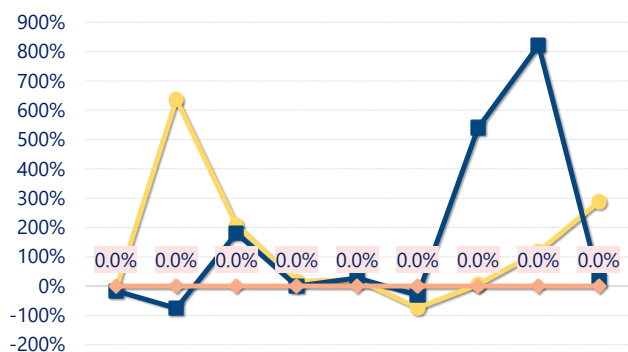
	2023	
LN thuần	7.78	YoY ▲ 3.79 ▲ 95.0%
	tỷ VNĐ	

	Q1/24		
LN sau thuế	2.82	QoQ ▲ 2.22 ▲ 370%	YoY ▲ 1.01 ▲ 55.8%
	tỷ VNĐ		

	2023	
LN sau thuế	6.79	YoY ▲ 1.94 ▲ 39.9%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

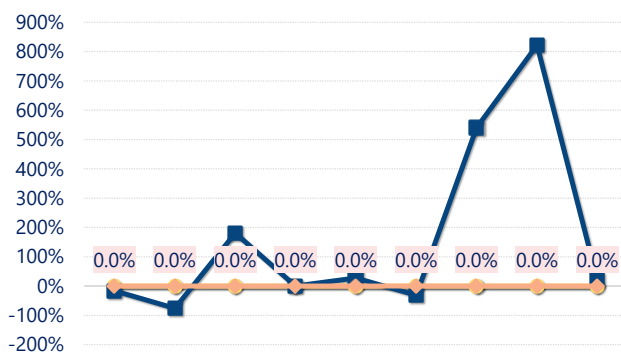


Q1/22 Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

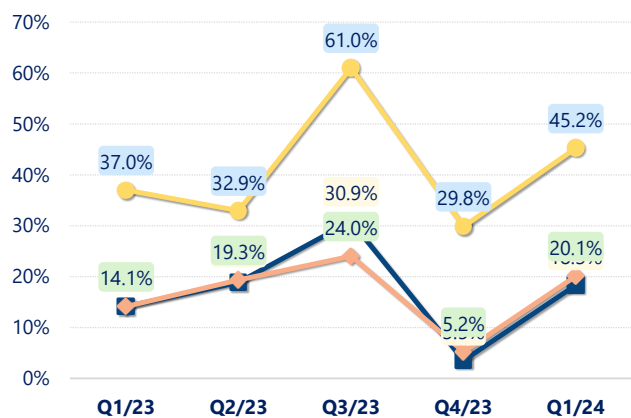


Q1/22 Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

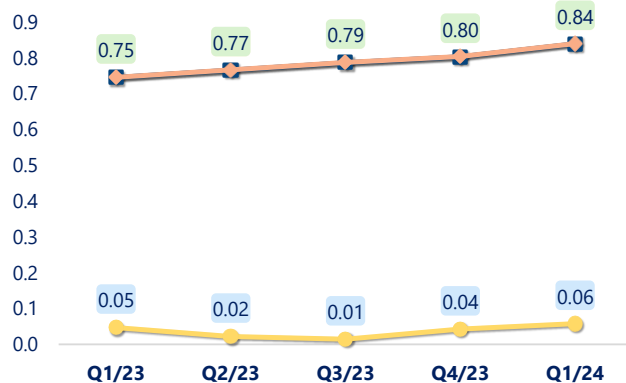


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

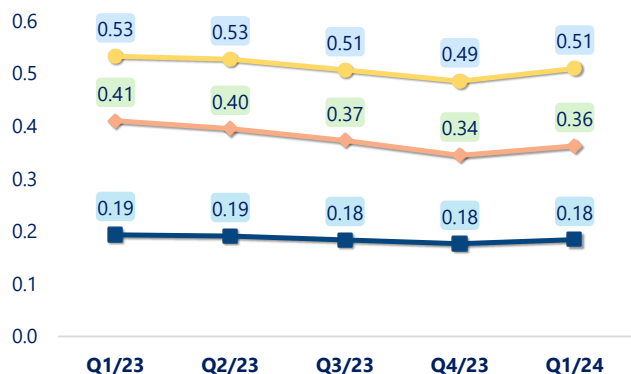


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

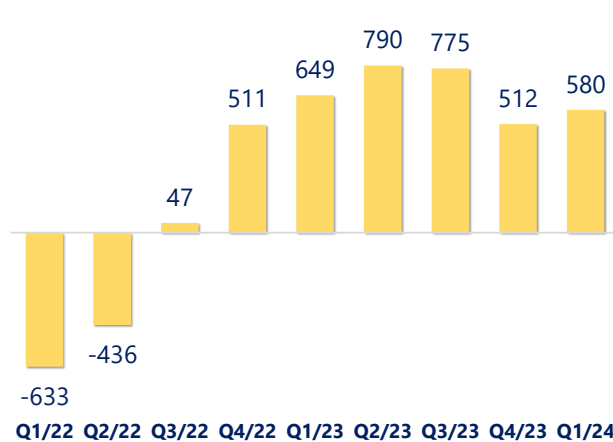


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q1/22 Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	14.0	12.8	9.7%	48.6	49.5	-1.9%
Giá vốn hàng bán	7.69	8.07	-4.7%	28.7	34.3	-16.5%
Lợi nhuận gộp	6.35	4.74	34.0%	19.9	15.2	31.1%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.01	-36.4%
Chi phí TC	0.00	0.00		1.08	2.41	-55.3%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.19	0.13	49.7%	0.60	0.39	51.7%
Chi phí QLDN	3.58	2.80	28.0%	10.5	8.41	24.6%
LN thuần từ HĐKD	2.57	1.81	42.1%	7.78	3.99	95.0%
Lợi nhuận khác	0.25	0.00		-0.61	0.87	-170%
LN trước thuế	2.82	1.81	55.8%	7.17	4.85	47.7%
Lợi nhuận sau thuế	2.82	1.81	55.8%	6.79	4.85	39.9%
LNST của CĐ cty mẹ	2.82	1.81	55.8%	6.79	4.85	39.9%

(Nguồn: fireant.vn)

